TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ M** TỈNH QUẢNG NINH Bản án số: 03/2017/KDTM-ST Ngày 24/03/2017 "*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP - TỰ DO- HẠNH PHÚC** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH QUẢNG NINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thu Nga
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1/Ông Nguyễn Văn Giang
2/Bà Nguyễn Thị Ngọc
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Tuấn là thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mtham gia phiên tòa*:
Ông Cao Đức Hùng- Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 03 năm 2017 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2016/TLST-KDTM ngày 24/10/2016 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2017/QĐST -KDTM ngày 26/01/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số:13/2017/QĐST-KDTM ngày 24/02/2017 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPA
Trụ sở: Tầng 1,6,7 Tòa nhà ConnerStones, 16 đường P, quận H, Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V. Chức vụ Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền Anh L và chị Y. Đều là cán bộ Ngân hàng TMCP A. Địa chỉ: Số 9, Đường B,xã N,huyện T,thành phố Hải Phòng(theo văn bản ủy quyền số: 3.0058.16/2016/UQ-VIB ngày 02/6/2016). Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/Bị đơn: Ông B, sinh năm 1970. Nơi ĐKHK: Tổ 9, Khu I, Phường K,thành phố M,, Quảng Ninh. Hiện tại chuyển đến địa chỉ: Số 1, phố Đ, phường H, thành phố M, Quảng Ninh. Vắng mặt không có lý do

3/Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1970 và ông Phạm Phú th, sinh năm 1964. Đều có nơi ĐKHK: Tổ 14, Khu 2, phường H, thành phố M, Quảng Ninh. Địa chỉ hiện nay: Số 12 Phố Đ, phường T, thành phố M, Quảng Ninh. Vắng mặt không có lý do

NỘI DUNG VỤÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2016; bản tự khai, lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt người đại diện của đại diện nguyên đơn ông L, bà Y trình bày: Ngày 27/6/2014 ông B và Ngân hàng TMCP A- chi nhánh Q, phòng Giao dịch M ký hợp đồng tín dụng số: 0046/HĐT-VIB54/14 ngày 27/6/2014 với số tiền vay là 1.000.000.000đ (*một tỷ đồng*) mục đích bổ sung vốn kinh doanh quần áo. Thời hạn vay12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Phương thức trả nợ gốc cuối kỳ. Lãi suấtđược quy định 9,99%/năm. Lãi suất ưu đãi và cố định trong 06 thángđầu tiên kể từ ngày 27/6/2014 đến ngày 27/12/2014. Hết thời gian ưu đãi, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/ lần bằng lãi suất cho vay của từng sản phẩm cá nhân kinh doanh do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh. Ngày 27/6/2014 Ngân hàng đã giải ngân theo khế ước nhận nợ số: 0046/KUNN1 ngày 27/6/2014.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là: Quyền sử dụng 90 m2 đất tại : Phường N, thành phố M tỉnh Quảng Ninh, đứng tên là bà T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 22785, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00195 do UBND thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/01/2011.Việc thế chấp thể hiện tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0046/BĐ-VIB54/14 ngày 25/6/2014 giữa đại diện bên thế chấp bà T (ông *Th ủy quyền cho bà T thế chấp tài sản thể hiện tại Hợp đồng ủy quyền, tại phòng công chứng số 2 ngày 24/5/2011*) với ngân hàng thương mại cổ phần A, Chi nhánh Q- phòng giao dịch M (Bên nhận thế chấp), công chứng tại văn phòng công chứng Ka Long ngày 25/6/2014, số công chứng: 954/2014/HĐTC, quyển số: 10/TP/CC-SCC/HĐGD và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất phòng tài nguyên môi trường thành phố M ngày 26/6/2014.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nói trên, ông B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay trên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 27/6/2015. Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông B trả nợ, nhưng ông B không thực hiện đúng các nghĩa vụ của mình đối với Ngân hàng như đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Bên thế chấp tài sản bảo đảm khoản nợ đã được thông báo nhưng không giao tài sản để Ngân hàng xử lý nợ.

Như vậy tính đến ngày 21/3/2017 (*Theo thông báo dư nợ kèm theo đơn xin xét xử vắng mặt)*ông B còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là:**1,111,809,257đ** (*một tỷ một trăm mười một triệu tám trăm lẻ bảy nghìnhai trăm năm mươi bảy đồng*) trong đó: Tiền gốc là: **827,101,920đ** (*tám trăm hai mươi bảy triệu một trăm lẻ một nghìn chín trăm hai mươi đồng*), tiền lãi quá hạn là: **284,707,337đ**(*hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn ba trăm ba bảy đồng*).

Nay Ngân hàng yêu cầu buộc ông B trả nợ các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đến ngày 21/3/2017 như nêu trên và buộc ông B tiếp tục trả lãi suất phát sinh trên số tiền gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 0046/HĐT-VIB54/14 ngày 27/6/2014 và khế ước nhận nợ đính kèm, kể từ ngày 22/03/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Nếu ông B không trả nợ, yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến

hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay như nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/ xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng. Nếu số tiền này không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 09/12/2016, bị đơn ông B trình bày: anh không nhớ thời gian cụ thể khoảng tháng 6/2014 anh có đứng ký hợp đồng tín dụng số: 0046/HĐT-VIB54/14 ngày 27/6/2014 và khế ước nhận nợ đính kèm vay hộ bà T với số tiền 1.000.000.000đ. về thời hạn, mục đích và lãi suất thể hiện như trong hợp đồng tín dụng. Quá trình vay bà T là người trực tiếp trả lãi và nợ gốc anh không nắm được việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nay Ngân hàng đề nghị ông trả nợ với số nợ trên, quan điểm của bà T là người trực tiếp sử dụng vốn của Ngân hàng nên phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án : Tòa đã tiến hành tống đạt đầy đủ và đúng quy định các văn bản tố tụng cho bà T vàông Th, nhưng bà T và ông Th không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Mặc dù nhận được các thông báo về phiên hòa giải nhưng ông B, bà T và ông Th không đến các buổi hòa giải, như vậy ông B, bà T, ông Thđã không thực hiện quyền của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M cho rằng: Việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi nghị án thấy rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành luật tố tụng vi phạm khoản 12, khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ cơ bản đầy đủ. Việc giao nhận tài liệu đúng theo trình tự pháp luật quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng . Buộc ông B phải trả các khoản nợ trên cho Ngân hàng

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1/ Về tố tụng:

Quan hệ giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) với ông B dựa trên giao kết hợp đồng tín dụng. Do vậy yêu cầu khởi kiện c ủa ngân hàng đối với ông B là tranh chấp hợpđồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn ông B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà T và ông Th đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không cóđơn xin xét xử vắng mặtđồng thời cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

2/ Về nội dung:

Việc giao kết Hợp đồng tín dụng hợpđồng tín dụng số: 0046/HĐT-VIB54/14 ngày 27/6/2014 giữa Ngân hàngA- chi nhánh Q- phòng giao dịch M với ông Bvà hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0046/BĐ-VIB54/14 ngày 25/6/2014giữa Ngân hàng - chi nhánh Q- Phòng giao dịch M với bà T vàông Thđược ký bởi người đại diện hợp pháp của Ngân hàng và với những người có đầy đủ năng lực hành vi theo pháp luật quy định. Sự thoả thuận của hai bên trong hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, đúng với các quy định của Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; các quy chế, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần A. Do đó các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và khế ước nhận nợ là hợp pháp, có hiệu lực buộc các bên phải thực hiệnđúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại hợp đồng. Ngân hàng thương mại cổ phần A, Chi nhánh Q- phòng giao dịch M đã thực hiện việcgiải ngân, ông B đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn trả nợ gốc, nên từ ngày 26/7/2015 Ngân hàngđã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn vàđã nhiều lần thông báo cho ông B việc trả nợđồng thời thông báo với bà T và ông Th việc xử lý tài sản khi ông B không thực hiện việc trả nợ. Do vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với quan điểm như nêu trên.

Về phía bịđơn ông B có quan điểm tại bản tự khai thể hiện:số tiền vay tại hợpđồng tín dụng trên ông không được sử dụng mà bà T trực tiếp sử dụng số tiền và trực tiếp trả lãi, nhưng ông B không xuất trìnhđược chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình. Hơn nữa các tài liệu có trong hồ sơ thì thủ tục vay của Ngân Hàng đều thể hiệnông B là người vay và đã nhận tiền thể hiện tại khêước nhận nợ. Quá trình giải quyết vụán Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần ông B bà T và ông Th đều vắng mặt không lý do. Như vậy bản thân ông B, bà T và ông Th đã không thực hiện quyền của mình trong quá trình giải quyết vụán.

Đối với tài sản thế chấp trong vụán nàyđến nay không cóý kiến vàđề nghị gì khác. Như vậy khi xử lý tài sản bảođảm nếu phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu chung thìđược giải quyết theo quy định của pháp luật về thi hànhán dân sự.

3/Vềán phí: Anh B phải chịu toàn bộán phí dân sự sơ thẩm theo quy định của của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiềnđã nộp tạmứngán phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều

688 Bộ luật dân sự 2015. Điều 471, 474, 476, 318, 342, 355 và Khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

- Xử:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với anh B

Buộc anh B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A khoản nợ (tính đến ngày 21/3/2017) là: **1,111,809,257đ** (*một tỷ một trăm mười một triệu tám trăm lẻ chín nghìnhai trăm năm mươi bảy đồng)*

Trong đó: - Tiền gốc là: 827,101,920đ (*tám trăm hai mươi bảy triệu một trăm lẻ một nghìn chín trăm hai mươi đồng*),

- Tiền lãi quá hạn là: 284,707,337đ(*hai trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn ba trăm ba bảy đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật; Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế (VIB) có đơn yêu cầu thi hành án mà anh B không trả đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 0046/HĐT-VIB54/14 ngày 27/6/2014 kể từ ngày 22/03/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số:0046/BĐ-VIB54/14 ngày 25/6/2014 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần chi nhánh Q- Phòng giao dịch M với bàT và ông Th đối với tài sản là quyền sử dụng 90 m2 tại : Phường D, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, đứng tên là bà T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 22785, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00195 do UBND thành phố M, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 20/01/2011để đảm bảo thi hành án.

- Về án phí: Anh B phải nộp 45,354,277 đồng (*Bốn mươi năm triệu ba trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A 21,218,000đ **(***Hai mươi mốt triệu hai trăm mười tám nghìn đồng)*tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền tạmứngán phí, lệ phí tòaán số 0002134 ngày 19/10/2016) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Quảng Ninh

Nguyên đơn, bịđơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bảnán

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND TP M;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THA Dân sự TP M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Thu Nga